

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH KHÔNG PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số 1795/TB-TĐT ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

STT	Tên ngành đào tạo	Ngành phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành không phù hợp (Học bổ sung kiến thức)	Các môn học bổ sung kiến thức
1.	XÃ HỘI HỌC (8310301)	<ul style="list-style-type: none"> – Xã hội học; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác với chương trình đào tạo đại học ngành Xã hội học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình, hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> – Giáo dục học; – Tâm lý học; – Công tác xã hội; – Nhân học; – Chính trị học; – Kinh tế học; – Triết học (Chủ nghĩa duy vật lịch sử - Triết học xã hội); – Văn hóa học; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Xã hội học của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. <p><i>Yêu cầu:</i> có thâm niên công tác ít nhất từ 02 năm trở lên tại các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề về xã hội kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Xã hội học đại cương (30 tiết); – Lý thuyết xã hội học (30 tiết); – PP nghiên cứu XHH (30 tiết).
			<ul style="list-style-type: none"> – Tốt nghiệp đại học các ngành còn lại <p><i>Yêu cầu:</i> có thâm niên công tác ít nhất từ 02 năm trở lên tại các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề về xã hội kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Xã hội học đại cương (30 tiết); – Lý thuyết xã hội học (30 tiết); – Tin học chuyên ngành (30 tiết); – PP nghiên cứu định lượng (30 tiết); – PP nghiên cứu định tính (30 tiết); – Xử lý dữ liệu định tính (30 tiết).
2.	QUẢN TRỊ KINH DOANH (8340101)	<ul style="list-style-type: none"> – Quản trị kinh doanh; – Kinh doanh thương mại; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào 	<ul style="list-style-type: none"> – Tài chính – Ngân hàng; – Bảo hiểm; – Kế toán; – Khoa học quản lý; 	<ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế vi mô (45 tiết); – Kinh tế vĩ mô (45 tiết); – Nguyên lý quản trị (45 tiết); – Nguyên lý Marketing (45 tiết);

STT	Tên ngành đào tạo	Ngành phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành không phù hợp (Học bổ sung kiến thức)	Các môn học bổ sung kiến thức
		<p>tạo chỉ khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình, hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách công; - Quản lý công; - Quản trị nhân lực; - Hệ thống thông tin quản lý; - Quản trị văn phòng; - Quản lý khoa học và công nghệ; - Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; - Quản lý công nghiệp; - Quản lý năng lượng; - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. <p><i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý kế toán (45 tiết); - Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết); - Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết); - Luật công ty (30 tiết). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
			<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành khoa học sự sống; - Các ngành sinh học ứng dụng; - Các ngành khoa học tự nhiên; - Các ngành toán và thống kê; - Các ngành kỹ thuật; - Các ngành sản xuất và chế biến; - Các ngành kiến trúc và xây dựng; - Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Các ngành sức khỏe; - Ngôn ngữ Anh; - Ngôn ngữ Pháp; - Ngôn ngữ Trung Quốc; - Ngôn ngữ Đức; - Ngôn ngữ Nhật; - Ngôn ngữ Hàn Quốc. <p><i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Toán kinh tế (45 tiết); - Xác suất thống kê (45 tiết); - Kinh tế vi mô (45 tiết); - Kinh tế vĩ mô (45 tiết); - Nguyên lý quản trị (45 tiết); - Nguyên lý Marketing (45 tiết); - Nguyên lý kế toán (45 tiết); - Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết); - Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết); - Luật công ty (30 tiết). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>

STT	Tên ngành đào tạo	Ngành phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành không phù hợp (Học bổ sung kiến thức)	Các môn học bổ sung kiến thức
			vực quản trị kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.	
3.	TOÁN ỨNG DỤNG (8460112)	<ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng; - Toán tin; - Toán học; - Toán cơ; - Khoa học tính toán; - Thống kê; - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Toán tin; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê kinh tế; - Cơ học; - Toán kinh tế; - Vật lý học; - Sư phạm Vật lý; - Khoa học máy tính; - Công nghệ thông tin; - Sư phạm tin học; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại số tuyến tính (30 tiết); - Giải tích hàm nhiều biến (30 tiết); - Phương trình vi phân thường (30 tiết); - Giải tích số (30 tiết); - Giải tích hàm (45 tiết). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
4.	KHOA HỌC MÁY TÍNH (8480101)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật máy tính; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Sư phạm Tin học; - Sư phạm Toán – Tin học; - Toán – Tin học; - Toán ứng dụng; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. <p><i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông kể từ ngày tốt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ cơ sở dữ liệu (45 tiết); - Cấu trúc rời rạc (45 tiết); - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (45 tiết). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>

STT	Tên ngành đào tạo	Ngành phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành không phù hợp (Học bổ sung kiến thức)	Các môn học bổ sung kiến thức
			nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển. – Tốt nghiệp đại học các ngành còn lại. <i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.	– Hệ cơ sở dữ liệu (45 tiết); – Cấu trúc rời rạc (45 tiết); – Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (45 tiết); – Phương pháp lập trình (45 tiết); – Nhập môn mạng máy tính (45 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.
5.	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (8580201)	<ul style="list-style-type: none"> – Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng công trình biển; – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế xây dựng; – Quy hoạch đô thị; – Quản lý xây dựng; – Địa kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật tài nguyên nước; – Kỹ thuật cấp thoát nước; – Vật liệu xây dựng; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> – Sức bền vật liệu (45 tiết); – Cơ học kết cấu (45 tiết); – Kết cấu thép (45 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.
6.	KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (8580205) Chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Công nghệ kỹ thuật giao thông; – Khai thác vận tải; – Kinh tế vận tải; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số 	<ul style="list-style-type: none"> – Quy hoạch vùng và đô thị; – Kỹ thuật công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Kinh tế xây dựng; – Quản lý xây dựng; – Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín 	<ul style="list-style-type: none"> – Các phương pháp định lượng (45 tiết); – Quy hoạch giao thông đô thị (45 tiết); – Kỹ thuật giao thông (45 tiết); – Quản lý dự án (45 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.

STT	Tên ngành đào tạo	Ngành phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành không phù hợp (Học bổ sung kiến thức)	Các môn học bổ sung kiến thức
		tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.	chỉ) của khối kiến thức ngành.	
7.	KỸ THUẬT ĐIỆN (8520201)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện; - Hệ thống điện; - Kỹ thuật Điện - Điện tử; - Điện công nghiệp; - Sư phạm kỹ thuật (chuyên ngành Kỹ thuật điện); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Điện lạnh; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý năng lượng; - Quản lý công nghiệp; - Bảo hộ lao động; - Kinh tế công nghiệp; - Điện tử viễn thông; - Kỹ thuật điện tử; - Cơ điện tử; - Tự động hóa sản xuất; - Tin học công nghiệp (PFIEV); - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ thông tin; - Cơ khí nhiệt; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp điện (45 tiết); - Nhà máy điện và trạm biến áp (45 tiết). - <i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNĐH, nếu không có phải học bổ sung.